

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 11

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 35/2026/DS-ST

Ngày: 05/05/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phương.

2. Ông Nguyễn Trung Trực.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/4/2026 và ngày 05/5/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/TB-TLVA-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2026/QĐST-DS ngày 10/03/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H - sinh năm: 1970.

Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Bị Đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh C – sinh năm: 1972

Địa chỉ: thôn D, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đào Sĩ H1 – sinh năm 1971.

Địa chỉ: thôn D, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 17/4/2019 (âm lịch), nhằm ngày 21/5/2019 dương lịch bà Nguyễn Thị Quỳnh C có vay của bà số tiền 1.400.000.000 đồng. Mục đích vay là để buôn bán hải sản, làm ăn kinh doanh phục vụ kinh tế gia đình. Khi vay hai bên có lập giấy mượn tiền, giấy mượn tiền do bà C viết và ký tên xác nhận. Lãi suất vay hai bên thoả thuận 2%/tháng. Thời hạn vay là 3 tháng. Tuy nhiên, từ thời điểm vay tới nay bà C ông H1 không trả bất cứ số tiền lãi nào cho bà. Tới hạn trả nợ bà C và ông H1 không trả cho bà số tiền gốc nào.

Nay bà làm đơn này đề nghị bà C, ông H1 có trách nhiệm trả cho bà số tiền đã mượn là 1.400.000.000 đồng.

Yêu cầu bà C ông H1 trả tiền lãi suất chậm trả theo quy định tính từ ngày bà C ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là ngày 22/8/2019 dương lịch. Tạm tính từ ngày 22/8/2019 đến ngày 05/5/2026 là 79 tháng 13 ngày cụ thể lãi suất chậm trả là 10%/năm tính cụ thể như sau: 1.400.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 79 tháng 13 ngày = 923.015.333 đồng và tiếp tục trả lãi chậm trả cho đến khi hoàn thành việc trả nợ.

Tổng số tiền yêu cầu là: 1.400.000.000 đồng tiền gốc và 923.015.333 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 05/5/2026. Tổng là: 2.323.015.333 đồng (Hai tỷ ba trăm hai mươi ba triệu không trăm mười lăm ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh C trình bày:

Bà và ông Đào Sĩ H1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn với nhau. Năm 2019, do có nợ xấu trong ngân hàng nên bà có nhờ bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên sổ đất là Quyền sử dụng đất với diện tích có diện tích 700 m² của gia đình bà để bà H đứng tên vay tiền cho gia đình bà. Sau khi vay tiền từ ngân hàng ra bà có nhận số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Hai bên có lập giấy mượn tiền 17/4/2019 (âm lịch) nhằm ngày 21/5/2019 dương lịch, giấy mượn tiền với số tiền 1.400.000.000 đồng, giấy vay tiền này do bà ký tên xác nhận và hẹn sẽ 3 tháng sau sẽ trả số tiền trên cho bà H, lãi suất do hai bên thoả thuận. Khi vay, lãi suất do hai bên thoả thuận với nhau. Bà đã trả lãi cho bà H rất nhiều lần số tiền bà không nhớ cụ thể. Trả lãi ngày cho bà H 1 ngày bà trả 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Bà đã trả lãi cho bà H gần 2 năm thì không có khả năng trả nữa. Tuy nhiên việc trả lãi cho bà H không có giấy tờ nào để chứng minh về việc trả lãi, bà chỉ cầm tiền lãi đưa trực tiếp cho bà H. Hiện nay do làm ăn khó khăn bà chưa trả được cho bà H số tiền trên. Việc mượn tiền ông Đào Sĩ H1 không biết gì về việc vay mượn trên.

Bà thừa nhận có mượn tiền của bà **Nguyễn Thị Thu H** số tiền 1.400.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền gốc trên cho bà **H**. Bà cũng đồng ý trả số tiền lãi theo yêu cầu của bà **H** từ lúc vay đến ngày 22/5/2019 (ngày 18/4/2019 âm lịch) với tiền lãi là 10%/năm. Tuy nhiên, việc mượn tiền này chỉ có một mình bà mượn bà ký tên giấy mượn, mục đích mượn cũng là mượn mục đích riêng không liên quan gì tới ông **Đào Sĩ H1**. Bà chỉ đồng ý một mình trả nợ cho bà **H**.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa của người tham gia tố tụng kể từ thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ các Điều 357, 463, 466 BLDS; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị Quỳnh C** và ông **Đào Sĩ H2** có trách nhiệm liên đới trả cho bà **Nguyễn Thị Thu H** số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng tiền gốc và 923.015.333 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 05/5/2026. Tổng là: 2.323.015.333 đồng (Hai tỷ ba trăm hai mươi ba triệu không trăm mười lăm ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 11, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo trình tự không bị khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Bà Nguyễn Thị Thu H nộp đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng giải quyết tranh hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Quỳnh C có địa chỉ tại xã H, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xét xử vắng mặt: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Sĩ H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đào Sĩ H1 là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả tiền: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu vợ chồng bà C ông H1 trả cho bà H số tiền gốc đã mượn là 1.400.000.000 đồng và số tiền lãi suất chậm trả.

Hội đồng xét xử nhận thấy: giữa nguyên đơn và bị đơn có quen biết với nhau, ngày 17/4/2019 (âm lịch) nhằm ngày 21/5/2019 dương lịch bà Nguyễn Thị Thu H có cho bà Nguyễn Thị Quỳnh C vay số tiền 1.400.000.000 đồng. Khi vay hai bên có lập giấy mượn tiền ngày 17/4/2019 (âm lịch). Bà Nguyễn Thị Quỳnh C cũng thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 1.400.000.000 đồng. Chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 17/04/2019 là do bà Nguyễn Thị Quỳnh C ký và ghi họ tên. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xét thấy việc bà C có vay của bà H số tiền 1.400.000.000 đồng và còn nợ số tiền trên là có thật, đây là sự kiện không cần phải chứng minh. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu tiền lãi: Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bà Nguyễn Thị Quỳnh C và ông Đào Sĩ H1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày bà C ông H1 mượn tiền đến ngày hoàn trả tiền cho bà H. Tiền lãi suất chậm trả theo quy định tính từ bà C ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà H ngày 22/8/2019 dương lịch. Tạm tính từ ngày 22/8/2019 đến ngày 05/5/2026 là 79 tháng 13 ngày cụ thể lãi suất chậm trả là 10%/năm tính cụ thể như sau: 1.400.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 79 tháng 13 ngày = 923.015.333 đồng và tiếp tục trả lãi chậm trả cho đến khi hoàn thành việc trả nợ.

Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định: Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ

Luật này; nếu không có thoả thuận thì việc thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên có thoả thuận lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác....
2. Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Hội đồng xét xử xét thấy, bà **H** và bà **C** có thực hiện việc vay tiền với nhau. Hai bên thừa nhận việc vay mượn, có thoả thuận lãi suất với nhau nhưng không xác định rõ cụ thể lãi suất là bao nhiêu, vì từ thời điểm vay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn. Xét thấy các bên có thoả thuận lãi suất với nhau nhưng không xác định rõ mức lãi suất. Nguyên đơn bà **H** yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 10%/năm tương đương 0.83%/tháng trên số tiền vay là đúng theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi cho nguyên đơn cụ thể là:

Xét yêu cầu buộc liên đới trả nợ: Bà **Nguyễn Thị Thu H** yêu cầu bà **Nguyễn Thị Quỳnh C** và ông **Đào Sĩ H1** phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà **H** số tiền còn nợ. Theo bà **C** việc mượn tiền này chỉ có một mình bà mượn bà ký tên giấy mượn, mục đích mượn cũng là mượn mục đích riêng không liên quan gì tới ông **Đào Sĩ H1**. Bà chỉ đồng ý một mình trả nợ cho bà **H**. Hội đồng xét xử xét thấy việc vay mượn tiền số tiền lớn bà **C** thừa nhận ghi giấy mượn tiền thể hiện mục đích vay là vay hộ cho người khác để buôn bán hải sản là không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, trong vụ việc dân sự đã được giải quyết trước đó (theo Bản án số 46/2025/DSST ngày 26/9/2025 của TAND khu vực 11 - Lâm Đồng) thể hiện việc bà **C** thừa nhận khoản nợ 1,4 tỷ đồng với bà **H**, liên quan đến việc vay mượn tiền, thế chấp GCNQSDĐ số BD064060 đứng tên ông **Đào Sĩ H1**, bà **Nguyễn Thị Quỳnh C**. GCNQSDĐ này đã được ông **H1**, bà **C** tặng cho con gái để thực hiện việc vay mượn tiền nêu trên với bà **H**. Do đó, có căn cứ cho rằng ông **H1** có biết việc vay mượn tiền giữa bà **C** và bà **H**. Vì vậy, cần buộc **Đào Sĩ H1** có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với bị đơn **Nguyễn Thị Quỳnh C**.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, do yêu cầu của bà **Nguyễn Thị Thu H** được chấp nhận bà **Nguyễn Thị Thu H** không phải chịu án phí dân

sự sơ thẩm. Bà **Nguyễn Thị Quỳnh C** và ông **Đào Sĩ H1**, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu trả tiền: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thu H**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Quỳnh C** và ông **Đào Sĩ H1** phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà **Nguyễn Thị Thu H** số tiền gốc 1.400.000.000 đồng tiền gốc và 923.015.333 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 05/5/2026. Tổng là: 2.323.015.333 đồng (Hai tỷ ba trăm hai mươi ba triệu không trăm mười lăm ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

2. Về án phí:

+ Bà **Nguyễn Thị Quỳnh C** và ông **Đào Sĩ H1** chịu án phí 78.460.307 đồng (Bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi ngàn ba trăm lẻ bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị Thu H** số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng số 0005989 ngày 21/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/5/2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền ghi trên thi hành tháng phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn T

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND KV11 ;
- Phòng THADS KV11;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn T

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THA dân sự huyện Hàm Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành

